TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thu Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông: Phùng Duy Nam
2. Ông: Hoàng Trọng Lượng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST- HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Xuân P, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu M, xã V, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện Y, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Người làm chứng: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu M, xã V, huyện T, tỉnh P

(Anh P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị N, bà Tấm vắng mặt, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là anh Xuân P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/3/2013 tại trụ

sở UBND xã Văn L, huyện T, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà anh ở xã Văn L, huyện T, tỉnh P được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã M, huyện Y, tỉnh P sinh sống, không liên hệ với anh nữa. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn do chị N không thông cảm được cho hoàn cảnh của anh là người bị khuyết tật. Anh P bị mờ mắt từ nhỏ sau đó đến năm 16 tuổi thì bị mù nên được hưởng trợ cấp hàng tháng. Sau khi chị N bỏ đi thì anh và gia đình cũng đã động viên nhưng chị N không về. Từ cuối năm 2013 đến nay anh và chị N sống ly thân. Vì vậy, anh đề nghị xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Xuân P thống nhất với quan điểm của anh P. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Xuân P.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Xuân P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Xuân P được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hà Xuân P được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa anh Hà Xuân P và chị Nguyễn Thị N. Bị đơn là chị Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện Y, tỉnh P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N phù hợp.

Anh Hà Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Xuân P và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn với nhau ngày với nhau vào ngày 01/3/2013 tại trụ sở UBND xã V, huyện Y, tỉnh P, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định do những bất đồng trong cuộc sống nên chị N và anh P chỉ sống cùng nhau trong khoảng thời gian ngắn, sau đó chị N về nhà mẹ đẻ ở xã Minh Hòa, huyện Y, tỉnh P sinh sống, còn anh P sống ở xã Văn Luông, huyện Tân Sơn, tỉnh P. Mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh Hà Xuân P và chị Nguyễn Thị N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Hà Xuân P đề nghị ly hôn với chị Nguyễn Thị N là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Anh Hà Xuân P và chị Nguyễn Thị N không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Hà Xuân P không đề nghị Tòa án giải quyết. Hơn nữa chị Nguyễn Thị N không đến Tòa án nên không thể hiện được quan điểm của mình nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Xuân P là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Xuân P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Xuân P được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hà Xuân P được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Xuân P và chị Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Văn Luông, huyện T;
(Đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang